

(Đề có 4 trang)

Họ tên : Lớp : 12C.....

Mã đề 123

Câu 41: Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào giữa và cuối mùa hạ là do

- A. Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.
- B. gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.
- C. frông và dải hội tụ nhiệt đới.
- D. gió Tây Nam biến tính và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang các miền địa lí tự nhiên, hãy cho biết khu vực nào **cao nhất** trên lát cắt C-D?

- A. Núi Phu Luông.
- B. Cao nguyên Mộc Châu.
- C. Núi Phu Pha Phong.
- D. Núi Phanxipang.

Câu 43: Nét nổi bật nhất của địa hình vùng núi Tây Bắc là

- A. gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. có bốn cánh cung lớn.
- C. địa hình thấp và hẹp ngang.
- D. có dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang các miền địa lí tự nhiên và trang khoáng sản, hãy cho biết các khoáng sản nào nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Dầu khí, bô xít.
- B. Đá vôi, dầu khí.
- C. Dầu mỏ, quặng sắt.
- D. Than bùn, quặng sắt.

Câu 45: Hướng Tây Bắc - Đông Nam là hướng chính của

- A. vùng núi vùng Đông Bắc.
- B. vùng núi Nam Trường Sơn.
- C. vùng núi Tây Bắc.
- D. dãy núi Bạch Mã.

Câu 46: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta năm 1983 và 2015
(Đơn vị %)

Năm	Tổng diện tích rừng	Diện tích rừng tự nhiên	Diện tích rừng trồng
1983	100	94,4	5,6
2015	100	75,6	24,4

Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất theo bảng số liệu trên.

- A. Biểu đồ miền.
- B. Biểu đồ đường.
- C. Biểu đồ cột.
- D. Biểu đồ tròn.

Câu 47: Biện pháp phòng tránh bão hiệu quả nhất là

- A. xây dựng các công trình thủy lợi hợp lí.
- B. sơ tán dân để tránh bão bằng mọi biện pháp.
- C. dự báo chính xác về quá trình hình thành, hướng di chuyển và cường độ bão.
- D. củng cố đê chắn sóng ven biển, kêu gọi tàu thuyền phải nhanh chóng trở về.

Câu 48: Đặc điểm nào **không phải** là đặc điểm chung của địa hình nước ta?

- A. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

- B. Địa hình của nước ta cao dần từ Đông sang Tây.
 C. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
 D. Cấu trúc địa hình có hai hướng chính.

Câu 49: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng và độ che phủ rừng ở nước ta qua một số năm

(Đơn vị: Triệu ha)

Năm	Tổng diện tích có rừng	Diện tích rừng tự nhiên	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	43,0
1983	7,2	6,8	22,0
2015	13,5	10,2	40,9

Nhận xét **đúng** với sự biến động diện tích rừng nước ta là

- A. diện tích và độ che phủ rừng nước ta không ổn định.
 B. diện tích rừng nước ta tăng nhanh.
 C. diện tích và độ che phủ liên tục giảm.
 D. độ che phủ rừng tăng liên tục.

Câu 50: Dọc tả ngạn sông Hồng và rìa phía tây, tây nam đồng bằng Bắc Bộ là giới hạn của miền địa lí tự nhiên nào sau đây?

- A. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ. B. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
 C. Nam Bộ. D. Miền Nam Trung Bộ.

Câu 51: Gió Tây khô nóng chủ yếu hoạt động ở khu vực

- A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Nguyên.
 C. Đồng bằng Bắc Bộ. D. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 52: Mùa khô kéo dài 6 -7 tháng diễn ra ở

- A. Đồng bằng Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
 C. vùng ven biển cực Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 53: Đặc điểm nào **đúng** với vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. Địa hình cao nhất nước ta. B. Có nhiều cao nguyên xếp tầng.
 C. Hướng núi chính Tây Bắc-Đông Nam. D. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang kinh tế chung, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Hòn La. C. Nghi Sơn. D. Chu Lai.

Câu 55: Cảnh quan rừng thưa nhiệt đới khô được hình thành nhiều nhất ở vùng nào?

- A. Ven biển Bắc Trung Bộ. B. Nam Bộ.
 C. Tây Nguyên. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 56: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa **cao nhất** vào tháng IX?

- A. Thanh Hóa. B. Đồng Hới.
 C. Cần Thơ. D. Nha Trang.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang đất, hãy cho biết nhóm đất nào phân bố ven sông Tiền, sông Hậu nước ta?

- A. Đất phù sa sông. B. Đất phèn.
 C. Đất mặn. D. Đất cát biển.

Câu 58: Biển Đông giàu về loại tài nguyên khoáng sản nào sau đây?

- A. Dầu khí, than đá, quặng sắt.
- B. Dầu khí, titan, muối biển.
- C. Dầu khí, cát, muối biển.
- D. Khí đốt, muối biển.

Câu 59: Các dạng địa hình: cồn cát, đầm phá, vũng vịnh nước sâu là đặc trưng của bờ biển

- A. Trung Bộ.
- B. Nam Bộ.
- C. từ Cà Mau tới Hà Tiên.
- D. Bắc Bộ.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang các miền địa lí tự nhiên, hãy cho biết vịnh biển Xuân Đài thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Khánh Hoà.
- C. Phú Yên.
- D. Bình Định.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang khí hậu, cho biết Nha Trang thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.
- B. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.
- C. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
- D. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.

Câu 62: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Có nhiều cồn cát, đầm, phá ven sông.
- B. Là đồng bằng châu thổ sông.
- C. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.
- D. Được phù sa của sông ngòi bồi đắp.

Câu 63: Vùng thường xảy ra lũ quét là

- A. vùng núi phía Bắc.
- B. vùng núi Đông Bắc.
- C. vùng núi Miền Trung.
- D. vùng núi Nam Trường Sơn.

Câu 64: Đặc điểm nào của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- B. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- C. Sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.
- D. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.

Câu 65: Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa?

- A. Vùng núi Trường Sơn.
- B. Vùng núi thấp Tây Bắc.
- C. Vùng núi cao Tây Bắc.
- D. Vùng núi Đông Bắc.

Câu 66: Đồng bằng sông Hồng được bồi tụ do phù sa của hệ thống sông

- A. sông Hồng và sông Đà.
- B. sông Tiền - sông Hậu.
- C. sông Đà và sông Lô.
- D. sông Hồng - sông Thái Bình.

Câu 67: Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. đất phù sa và feralit.
- B. đất mùn và đất mùn thô.
- C. đất feralit và đất feralit có mùn.
- D. feralit có mùn và đất mùn.

Câu 68: Nơi xuất phát của gió mùa Đông Bắc là

- A. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
- B. khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương.
- C. áp cao Xibia (Nga).
- D. áp cao cận chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 69: Hệ sinh thái đặc trưng của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. rừng cận nhiệt đới lá rộng thường xanh.
- B. rừng lá kim trên đất feralit.
- C. rừng gió mùa lá rộng thường xanh.
- D. rừng lá kim trên đất feralit có mùn.

Câu 70: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang khoáng sản, hãy cho biết mỏ sắt Thạch Khê thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Nghệ An. B. Quảng Trị. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 71: Nơi bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 72: Khí hậu đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tổng nhiệt độ năm trên 5400°C . B. Lượng mưa giảm khi lên cao.
C. Độ ẩm giảm rất nhiều so với ở chân núi. D. Mát mẻ, không có tháng nào trên 25°C .

Câu 73: Kiểu rừng tiêu biểu đặc trưng của khí hậu nóng ẩm ở nước ta là

- A. rừng gió mùa thường xanh. B. rừng gió mùa nửa rụng lá.
C. rừng ngập mặn thường xanh ven biển. D. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 74: So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ, khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm là

- A. tính chất nhiệt đới tăng dần. B. tính chất nhiệt đới giảm dần.
C. mùa đông lạnh nhất nước. D. mùa đông lạnh.

Câu 75: Đặc điểm khí hậu nổi bật của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ so với các vùng Tây Nguyên là

- A. mưa nhiều vào thu - đông. B. khí hậu có sự phân mùa sâu sắc.
C. khí hậu mang tính chất cận xích đạo. D. có mùa đông lạnh kéo dài.

Câu 76: Quá trình hình thành đất chủ yếu ở Việt Nam là

- A. quá trình rửa trôi các ôxít sắt và ôxít nhôm. B. quá trình hình thành đá ong.
C. quá trình feralit. D. quá trình tích tụ mùn trên núi.

Câu 77: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
B. đới rừng cận nhiệt đới gió mùa trên đất feralit.
C. đới rừng gió mùa.
D. đới rừng cận nhiệt đới.

Câu 78: Sự đa dạng và phong phú trong hệ thống cây trồng, vật nuôi tại một nơi ở nước ta là nhờ:

- A. Sự phân hoá theo mùa của khí hậu.
B. Sự phân bố theo bắc - nam của địa phương.
C. Sự phân bố theo độ cao địa hình trong vùng.
D. Sự phân hoá theo độ cao địa hình, khí hậu, đất trong vùng.

Câu 79: Phạm vi hoạt động của gió mùa Đông Bắc là

- A. ở miền Bắc đến Đà Nẵng. B. ở miền Bắc đến 11°B .
C. từ Đà Nẵng đến 11°B . D. ở miền Bắc đến dãy Bạch Mã.

Câu 80: Mùa bão ở nước ta có đặc điểm là

- A. ở miền Bắc muộn hơn miền Nam. B. ở miền Trung sớm hơn ở miền Bắc.
C. chậm dần từ Nam ra Bắc. D. chậm dần từ Bắc vào Nam.

----- **HẾT** -----

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Câu \ Mã đề	123	234	345	456
1	B	C	C	D
2	D	C	C	C
3	D	A	B	B
4	A	C	C	D
5	C	C	A	D
6	D	A	C	C
7	C	B	C	A
8	B	A	C	B
9	A	B	D	D
10	B	B	D	B
11	A	D	B	C
12	C	B	B	C
13	B	B	C	B
14	D	D	B	B
15	C	B	A	B
16	A	D	D	B
17	A	D	C	A
18	B	B	A	C
19	A	B	B	D
20	C	C	A	C
21	C	D	C	B
22	A	C	B	A
23	A	A	C	D
24	C	A	B	D
25	D	D	A	D
26	D	B	C	C
27	D	D	D	B
28	C	A	B	B
29	D	B	D	B
30	D	D	B	C
31	B	A	D	C
32	D	D	D	D
33	D	B	A	B
34	A	C	C	D
35	A	C	C	B
36	C	D	A	D
37	A	A	D	D

38	D	B	B	B
39	D	A	B	D
40	D	A	A	A

